

**CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG THỊNH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG THỊNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2300932060

**3. Ngày thành lập:** 26/02/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

(NR: ông Nguyễn Xuân Trường), Đại Bái, Xã Đại Bái, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 01633 456 256

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                            | Mã ngành                                                     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                  | 4662                                                         |
| 2.  | Đúc kim loại màu<br>(Chi tiết: Đồng, nhôm, chì, kẽm)                                                                                                                                                 | 2432(Chính)                                                  |
| 3.  | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                                                                             | 3812                                                         |
| 4.  | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                       | 3811                                                         |
| 5.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>(Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô)                                                                                                                             | 4933                                                         |
| 6.  | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su                                                                                                                                                                     | 2212                                                         |
| 7.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                         | 2220                                                         |
| 8.  | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý<br>(Chi tiết: Chế biến các loại đồng sunfat, luyện tinh quặng đồng, chì, kẽm; Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)              | 2420                                                         |
| 9.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại<br>(Chi tiết: Thép, Đồng, nhôm)                                                                                                                                       | 2511                                                         |
| 10. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                     | 2591                                                         |
| 11. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                         | 2592                                                         |
| 12. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>(Chi tiết: Cụm chi tiết bằng đồng, nhôm, sắt, thép)                                                                                   | 2599                                                         |
| 13. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                            | 2750                                                         |
| 14. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                          | 2790                                                         |
| 15. | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác                                                                                                                                                           | 2813                                                         |
| 16. | Sản xuất máy thông dụng khác                                                                                                                                                                         | 2819                                                         |
| 17. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)                                                                            | 4669                                                         |
| 18. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(DN chỉ KD khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)                                                                                                    | 4649                                                         |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                      | 4659                                                         |
| 20. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                               | 2023                                                         |
| 21. | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt<br>(Chi tiết: Khai thác quặng đồng, chì, kẽm; Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)                                       | 0722                                                         |
| 22. | Ghi chú: ( Đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì doanh nghiệp chỉ được kinh doanh ngành nghề đó khi đủ điều kiện kinh doanh. Doanh nghiệp phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 1.980.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VUÔNG VẤN DUYÊN    | Thôn Đại Bái, Xã Đại Bái, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                    | 594.000.000           | 30,000    | 125445847                                                                                                                                         |         |
| 2   | NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG | Thôn Đại Bái, Xã Đại Bái, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                    | 1.386.000.000         | 70,000    | 125191139                                                                                                                                         |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/09/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125191139

Ngày cấp: 28/10/2010

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đại Bái, Xã Đại Bái, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Đại Bái, Xã Đại Bái, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh